TRƯỜNG ĐẠI HỌC
Y TẾ CÔNG CỘNG
HANOI UNIVERSITY OF PUBLIC HEALTH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG

Bản mô tả ban hành tháng 6/2022

Cập nhật tháng 12/2023

BỘ Y TẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **Y TẾ CÔNG CỘNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Y tế công cộng

+ Tên tiếng Anh: Bachelor of Public Health

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Tên gọi văn bằng:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Y tế công cộng

+ Tên tiếng Anh: Bachelor of Public Health

4. Ngành đào tạo: Y tế công cộng

5. Mã số ngành đào tạo: 7720701

6. Thời gian đào tạo: 3-4 năm

7. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo: 6/2022

8. Mục tiêu chương trình đào tạo

8.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo được những Cử nhân Y tế công cộng (YTCC) có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng cơ bản và YTCC tổng quát để vận dụng vào quá trình thực hiện các hoạt động y tế thường quy; phát hiện, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, nghiên cứu giải quyết các vấn đề sức khoẻ ưu tiên tại nơi công tác; có khả năng tự học và học tập liên tục để nâng cao năng lực, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

8.2. Mục tiêu cụ thể

8.2.1. Mục tiêu kiến thức

PO1: Có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng cơ bản, khoa học chuyên ngành YTCC, hệ thống y tế, chính sách, pháp luật cơ bản về y tế; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị để làm nền tảng cho YTCC và thực hiện các lĩnh vực YTCC thiết yếu ở Việt Nam;

PO2: Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu sử dụng máy tính, truy cập internet, tìm kiếm thông tin, trình bày văn bản, phân tích số liệu bằng các phần mềm thông dụng cho công việc thường quy, học tập và nghiên cứu.

8.2.2. Mục tiêu kĩ năng

PO3: Có kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các chương trình dự phòng và kiểm soát các vấn đề sức khỏe (VĐSK) ưu tiên, các chương trình, dự án YTCC và hoạt động chuyên môn YTCC thường quy.

PO4: Có kĩ năng nghiên cứu sức khỏe cộng đồng; kĩ năng theo dõi, giám sát và đánh giá chương trình, dự án YTCC.

PO5: Có kĩ năng truyền thông, huy động cộng đồng, giáo dục sức khỏe và giao tiếp hiệu quả với cộng đồng.

PO6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và thích ứng với môi trường làm việc đa dạng văn hóa.

8.2.3. Mục tiêu tự chủ và trách nhiệm

PO7: Thể hiện được tính chuyên nghiệp trong thực hành YTCC và khả năng học tập liên tục để phát triển năng lực nghề nghiệp.

9. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mã	Chuẩn đầu ra	Mức độ
	Kiến thức (K)	
PLO1	Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, tin học cơ bản, Tiếng Anh, khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng cơ bản, khoa học chuyên ngành YTCC, hệ thống y tế, chính sách, pháp luật cơ bản về y tế để nghiên cứu, can thiệp, thực hiện các lĩnh vực YTCC thiết yếu ở Việt Nam.	3/6
PLO1.1	Áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học cơ bản để học tập, nghiên cứu, thực hành YTCC.	3/6
PLO1.2	Áp dụng được kiến thức cơ bản về y học cơ sở, y học lâm sàng cơ bản để học tập, nghiên cứu, thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu.	3/6
PLO1.3	Áp dụng được kiến thức cơ bản về chuyên ngành YTCC để học tập, nghiên cứu, thực hiện các hoạt động YTCC nói chung.	3/6
PLO1.4	Phân tích được các yếu tố quyết định sức khỏe để làm cơ sở lập kế hoạch giải quyết các vấn đề YTCC.	4/6
PLO1.5	Lựa chọn được các giải pháp chính để giải quyết các vấn đề sức khỏe (VĐSK) dựa trên các nguyên lí dịch tễ học, sức khỏe môi trường-nghề nghiệp, dinh dưỡng-an toàn thực phẩm, giáo dục-nâng cao sức khỏe, quản lí y tế và chính sách y tế, cũng như kết quả phân tích VĐSK.	3/6
PLO1.6	Mô tả được cấu trúc của hệ thống y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương với chức năng, nhiệm vụ tương ứng.	2/6
PLO1.7	Diễn giải được nội dung chính của một số văn bản qui phạm pháp luật quan trọng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	2/6

PLO1.8	Áp dụng được kiến thức tin học cơ bản và Tiếng Anh để nghiên cứu, thực hành, can thiệp YTCC hiệu quả, đảm bảo chuẩn đầu ra Tin học và Tiếng Anh theo Quyết định số 1021/QĐ-ĐHYTCC và Quyết định số 1022/QĐ-ĐHYTCC ngày 20/8/2019 về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học đối với sinh viên hệ đại học	3/6
PLO1.9	Giải thích được những nội dung cơ bản về Triết học Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	2/6
Kĩ năng (S)		
PLO2	Thực hiện được nghiên cứu sức khỏe cộng đồng	2/5
PLO2.1	Xác định được các chủ đề nghiên cứu phù hợp.	2/5
PLO2.2	Thiết kế được đề cương nghiên cứu VĐSK cụ thể với các thiết kế nghiên cứu phù hợp.	2/5
PLO2.3	Thiết kế được công cụ, phương tiện thu thập thông tin sức khỏe đáp ứng yêu cầu của mục tiêu nghiên cứu.	2/5
PLO2.4	Thu thập được thông tin cần thiết để xác định, phân tích đối tượng đích, phân tích các VĐSK, các vấn đề phát sinh trong hoạt động chuyên môn thường quy, để lập kế hoạch và đánh giá các chương trình, dự án YTCC.	2/5
PLO2.5	Báo cáo được kết quả nghiên cứu, đánh giá.	3/5
PLO3	Lập được kế hoạch dự phòng và kiểm soát các VĐSK ưu tiên, các chương trình, dự án YTCC và kế hoạch hoạt động chuyên môn YTCC.	3/5
PLO3.1	Lập được kế hoạch hoạt động YTCC thường quy tại cơ sở.	3/5
PLO3.2	Lập được kế hoạch can thiệp các VĐSK ưu tiên với những giải pháp khả thi và phù hợp dựa vào nguồn lực sẵn có và sự tham gia của cộng đồng.	2/5
PLO3.3	Lập được kế hoạch kinh phí cho các hoạt động, chương trình, dự án YTCC.	2/5
PLO3.4	Lập được kế hoạch giám sát hỗ trợ, theo dõi, đánh giá quá trình, kết quả và tác động của các chương trình, dự án YTCC.	2/5
PLO4	Thực hiện được kế hoạch hoạt động chuyên môn YTCC thường quy, kế hoạch chương trình, dự án YTCC; theo dõi, giám sát và đánh giá chương trình, dự án YTCC.	2/5
PLO4.1	Thực hiện được kế hoạch các chương trình, dự án YTCC đã lập ra.	2/5
PLO4.2	Tham gia thực hiện được các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu ở cộng đồng.	2/5
PLO4.3	Thực hiện được công tác giám sát hỗ trợ, theo dõi, đánh giá quá trình, kết quả của các chương trình, dự án YTCC.	2/5

PLO4.4	Thực hiện được công tác thống kê, báo cáo quá trình thực hiện kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch khi cần.	2/5
PLO5	Thực hiện được truyền thông, giáo dục sức khỏe (TT-GDSK) và giao tiếp hiệu quả với cộng đồng.	2/5
PLO5.1	Xác định được các mục tiêu TT-GDSK phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của cộng đồng.	2/5
PLO5.2	Xây dựng được nội dung TT-GDSK phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của cộng đồng.	2/5
PLO5.3	Lựa chọn được phương pháp TT-GDSK phù hợp với nhu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của cộng đồng.	2/5
PLO5.4	Thực hiện giao tiếp, TT-GDSK, tư vấn sức khỏe với các hình thức, phương pháp phù hợp với đặc điểm và điều kiện thực tế của cộng đồng.	2/5
PLO6	Thích ứng được với môi trường làm việc đa dạng văn hóa.	3/5
PLO6.1	Nhận biết những khác biệt trong các nhóm đối tượng đích, các bên liên quan *(về địa lí, giới, độ tuổi, dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, tình trạng kinh tế, học vấn, hành vi, lối sống...).*	3/5
PLO6.2	Lắng nghe ý kiến của các bên liên quan để xác định nhu cầu sức khỏe, lập kế hoạch và phối hợp thực hiện công việc hiệu quả.	3/5
PLO6.3	Thực hiện hiệu quả công tác huy động sự tham gia, phối hợp với các bên liên quan trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện các hoạt động YTCC.	2/5
PLO6.4	Thực hiện hiệu quả công tác huy động nguồn lực, quản lí, sử dụng các nguồn lực hỗ trợ thuộc phạm vi được phân công để triển khai các chương trình, dự án YTCC.	2/5
PLO6.5	Vận dụng kĩ năng mềm *(giao tiếp, lập kế hoạch công việc, quản lí thời gian, làm việc độc lập, làm việc nhóm, ...)* để làm việc hiệu quả.	3/5
PLO6.6	Vận dụng các kĩ năng tin học, ngoại ngữ để học tập, nghiên cứu, làm việc hiệu quả.	3/5
	Tự chủ và trách nhiệm (A)	
PLO7	Thể hiện tính chuyên nghiệp trong thực hành YTCC	4/4
PLO7.1	Thể hiện sự tuân thủ các qui định, qui chế trong quá trình học tập và thực hành YTCC.	4/4
PLO7.2	Thể hiện sự tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu và thực hành YTCC.	4/4
PLO7.3	Thể hiện có trách nhiệm và sự hợp tác với các bên trong các hoạt động nghiên cứu, can thiệp, thực hành YTCC.	4/4

PLO7.4	Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước	4/4
PLO8	Học tập liên tục để phát triển năng lực nghề nghiệp.	3/4
PLO8.1	Chủ động cập nhật kiến thức, kĩ năng để học tập, nghiên cứu, thực hiện công việc hiệu quả hơn.	3/4
PLO8.2	Chủ động trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong quá trình học tập, công tác nhằm nâng cao hiệu quả công việc.	4/4
PLO8.3	Tham gia hướng dẫn về chuyên môn, kĩ thuật YTCC cho đồng nghiệp tại nơi làm việc để cùng nâng cao năng lực nghề nghiệp.	3/4

Ghi chú: Thang đo đánh giá năng lực kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm được thể hiện tại Phụ lục 1.

10. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Nhân viên YTCC không thể thiếu trong hệ thống chăm sóc sức khỏe. Một số vị trí việc làm phổ biến là:

- Chuyên viên của: Bộ Y tế, Sở Y tế, Phòng Y tế, Trung tâm Y tế quận/huyện/thị xã, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh/thành phố (CDC);
- Nhân viên khối phòng, ban của các bệnh viện từ trung ương đến cơ sở, bệnh viện của các ngành.
- Chuyên viên, nghiên cứu viên tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu về lĩnh vực sức khỏe.
- Chuyên viên, giảng viên của các cơ sở đào tạo về YTCC, y học dự phòng.
- Chuyên viên, nghiên cứu viên của các tổ chức Phi chính phủ (trong nước, quốc tế) thuộc lĩnh vực y tế.

11. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng kiến thức tối thiểu là 137 tín chỉ, trong đó 127 tín chỉ bắt buộc, 10 tín chỉ tự chọn chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ).

12. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ Đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Chương trình đào tạo theo tín chỉ (tổng số 137 tín chỉ). Người học có thể chọn các học phần tự chọn theo khả năng và nguyện vọng để trang bị kiến thức cần thiết, phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường y tế, chăm sóc sức khỏe.

Chương trình có các học phần/học phần lí thuyết, thực hành và thực tập. Học lí thuyết học tại các giảng đường của trường Đại học YTCC; thực hành tại các giảng đường, phòng thực hành của Trường, của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học YTCC; thực tập tại các bệnh viện tuyến huyện, trạm y tế xã, bệnh viện của Trường, các Trung tâm kiểm soát bệnh tật và các cơ sở y tế khác phù hợp với mục tiêu và nội dung đào tạo.

Các học phần/học phần lí thuyết, thực hành, thực tập được kiểm tra, đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần/học phần theo đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sau khi hoàn thành đủ số học phần/học phần bắt buộc và tự chọn, sinh viên tham gia kì thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỉ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần qui định cho chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

e) Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên hệ đại học theo Quyết định số 1021/QĐ-ĐHYTCC - Quyết định về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên hệ đại học do Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng ký ngày 20/8/2019.

f) Đạt chuẩn đầu ra Tin học đối với sinh viên hệ đại học theo Quyết định số 1022/QĐ-ĐHYTCC - Quyết định về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra Tin học đối với sinh viên hệ đại học do Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng ký ngày 20/8/2019.

14. Phương pháp dạy-học

Nhiều phương pháp dạy-học được áp dụng trong quá trình đào tạo như:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm, bài tập theo nhóm, trình bày kết quả
- Tự học theo hướng dẫn
- Học tập dựa trên tình huống/vấn đề
- Đóng vai, trình diễn trên lớp
- Thực hành tại phòng thực hành/thí nghiệm tại trường
- Kiến tập tại các bệnh viện
- Thực tập tại các cơ sở thực tập (Trạm Y tế xã/phường/thị trấn; Trung tâm Y tế quận/huyện; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực y tế; các cơ sở y tế khác)

15. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Y tế công cộng.

16. Nội dung chương trình đào tạo

16.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

STT	Khối lượng học tập	Tổng TC	LT	TH
1	Kiến thức ***giáo dục đại cương tối thiểu*** (không kể: Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN)	26	17	9
2	Kiến thức ***giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu***, gồm:			
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	12	7	5
2.2	Kiến thức cơ sở của ngành	30	17	13
2.3	Kiến thức ngành YTCC	57	37	20
2.4	Kiến thức bổ trợ	10	7	3
2.5	Thi tốt nghiệp	2	0	2
Tổng cộng		**137**	**85**	**52**

Ghi chú: *TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành*

16.2. Khối lượng các học phần

16.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	700103003	Triết học Mác – Lênin	3	3	0
2	700103102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0
3	700103202	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	2	0
4	700101502	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	700103302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	700100502 700101102 700101302 700102002 700112402 700114502	Tiếng Anh	12	5	7
7	700102903	Tin học đại cương	3	1	2
8	700101201	Giáo dục thể chất 1			
9	700101801	Giáo dục thể chất 2			
10	700102201	Giáo dục thể chất 3			
11	700100808	Giáo dục QP–AN *(165 tiết)*			
Tổng cộng *			**26**	**17**	**9**

** Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN*

16.2.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Kiến thức cơ sở của khối ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	700100402	Sinh học và di truyền	2	1	1
2	700110202	Tâm lí học sức khỏe	2	1,5	0,5
3	700114102	Đạo đức trong Y tế công cộng	2	1,5	0,5
4	700110302	Thống kê y sinh học 1	2	1	1
5	700111402	Thống kê y sinh học 2	2	1	1
6	700112102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
Tổng cộng			**12**	**7**	**5**

Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	700100104	Giải phẫu – Sinh lí học	4	2	2
2	700101002	Sinh lý bệnh và miễn dịch học	2	1	1
3	700110002	Hóa sinh y học	2	1	1
4	700100202	Ký sinh trùng y học	2	1	1
5	700100702	Vi sinh y học	2	1	1
6	700102103	Triệu chứng - Điều trị học cơ bản Nội khoa, Nhi khoa *(Lí thuyết)*	3	3	0
7	700101403	Triệu chứng - Điều trị học cơ bản Ngoại khoa, Sản khoa *(Lí thuyết)*	3	3	0
8	700111604	Triệu chứng - Điều trị học cơ bản Nội khoa, Nhi khoa - Phần thực hành *(Thực tập 1 – tại Bệnh viện)*	4	0	4
9	700111502	Triệu chứng - Điều trị học cơ bản Ngoại khoa, Sản khoa - Phần thực hành *(Thực tập 1 – tại Bệnh viện)*	2	0	2
10	700103403	Sơ cấp cứu ở cộng đồng	3	2	1
11	700110503	Các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm	3	3	0
Tổng cộng			**30**	**17**	**13**

Kiến thức ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	700110702	Dịch tễ học cơ bản	2	2	0
2	700110403	Tổ chức và quản lí hệ thống y tế	3	3	0
3	700110102	Nguyên lí quản lí và các kĩ năng quản lí cơ bản	2	2	0
4	700110803	Kế hoạch y tế	3	2	1
5	700110902	Nhân học y tế và Xã hội học Sức khỏe	2	2	0
6	700111803	Đại cương Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe	3	2	1
7	700101902	Sức khoẻ sinh sản	2	2	0
8	700110602	Dân số và Phát triển	2	2	0
9	700111702	Đại cương Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	2	1	1
10	700111102	Kinh tế y tế và Tài chính y tế	2	2	0
11	700102303	Sức khỏe môi trường cơ bản	3	2	1
12	700112302	Sức khoẻ nghề nghiệp cơ bản	2	1	1
13	700111202	Quản lí dịch vụ y tế	2	2	0
14	700112702	Chính sách y tế	2	2	0
15	700111903	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1
16	700112002	Phương pháp nghiên cứu định tính	2	1	1
17	700112202	Quản lí thông tin y tế và Phân loại quốc tế về bệnh tật và tử vong	2	1	1
18	700111302	Quản lí y tế công cộng trong tình huống khẩn cấp	2	2	0
19	700102502	Quản lý an toàn thực phẩm	2	1	1
20	700113802	Sức khỏe môi trường (nâng cao)	2	1	1
21	700114603	Truyền thông sức khỏe	3	2	1
22	700115602	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	2	1	1
23	700115306	Thực tập cộng đồng 1 (4 tuần)*	2	0	2
24	700115006	Thực tập cộng đồng 2 (10 tuần) **	6	0	6
Tổng cộng			**57**	**37**	**20**

16.2.3. Khối kiến thức bổ trợ (tự chọn)

Sinh viên đăng kí học ít nhất 10 TC học phần/môn tự chọn trong bảng sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	700114902	Dịch tễ học chấn thương	2	2	0
2	700113202	Điều tra một vụ dịch	2	1	1
3	700102403	Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm	3	2	1
4	700113303	Dinh dưỡng cơ bản và xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	3	2	1
5	700113902	Sức khỏe nghề nghiệp (nâng cao)	2	1	1
6	700102602	Đánh giá nguy cơ Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp	2	1	1
7	700114002	Sức khỏe trường học	2	1	1
8	700114702	Vận động trong Nâng cao sức khỏe	2	1	1
9	700112502	Tiếp thị xã hội	2	1	1
11	700115502	Chương trình phòng chống HIV/AIDS	2	1	1
10	700102802	Quản lí dự án	2	2	0
12	700114402	Thông tin và số liệu hỗ trợ ra quyết định	2	1	1
13	700113502	Nghiên cứu và đánh giá hệ thống thông tin y tế	2	1	1
14	700115703	Dân số và Phát triển nâng cao	3	3	0
15	700115802	Thống kê dân số	2	1	1
16	700115903	Dịch vụ DS và KHHGĐ	3	3	0
17	700116002	Truyền thông DS và KHHGĐ	2	2	0
Tổng cộng			**38**	**26**	**12**

16.2.4. Học phần tốt nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
1	700115706	Thi tốt nghiệp hoặc Khoá luận tốt nghiệp	2	0	2

16.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

Năm thứ 1

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
I	Tiếng Anh 1	1	1	Tiếng Anh 2	1	1
	Tin học	1	2	Vi sinh y học	1	1
	Giải phẫu - Sinh lí	2	2	Ký sinh trùng y học	1	1
	Sinh học và Di truyền	1	1	Sinh lý bệnh và Miễn dịch học	1	1
	Hóa sinh y học	1	1	Tâm lý học sức khỏe	1,5	0,5
	Nguyên lý quản lý và các kĩ năng quản lý cơ bản	2	0	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	3	0
				Dịch tễ học cơ bản	2	0
				Triết học Mác - Lênin	3	0
				Giáo dục quốc phòng – An ninh		
	Cộng:	**8**	**7**	**Cộng:**	**13,5**	**4,5**

Năm thứ 2

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
II	Tiếng Anh 3	1	1	Tiếng Anh 4	1	1
	Thống kê y sinh học 1	1	1	Thống kê y sinh học 2	1	1
	Dân số và Phát triển	2	0	Sức khoẻ sinh sản	2	0
	Nhân học và Xã hội học sức khỏe	2	0	Đại cương Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	1	1
	Triệu chứng – Điều trị học cơ bản Ngoại khoa, Sản khoa (LT)	3	0	Sức khỏe môi trường cơ bản	2	1
	Triệu chứng – Điều trị học cơ bản nội khoa, nhi khoa (LT)	3	0	Sơ cấp cứu ở cộng đồng	2	1
	Bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm	3	0	Triệu chứng – Điều trị học cơ bản Ngoại khoa, Sản khoa (TH)	0	2
	Kế hoạch y tế	2	1	Triệu chứng – Điều trị học cơ bản Nội khoa, Nhi khoa (TH)	0	4
	Kinh tế chính tri Mác - Lênin	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0
	Giáo dục thể chất 1			Kinh tế và Tài chính y tế	2	0
				Giáo dục thể chất 2		
	Cộng:	**19**	**3**	**Cộng:**	**13**	**11**

Năm thứ 3

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
III	Tiếng Anh 5	1	1	Tiếng Anh 6	0	2
	Nghiên cứu khoa học	1	1	Đạo đức Y tế công cộng	1,5	0,5
	Quản lý thông tin y tế và Phân loại quốc tế bệnh tật và tử vong	1	1	Truyền thông sức khỏe	2	1
	Đại cương Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe	2	1	Quản lý an toàn thực phẩm	1	1
	Nghiên cứu định tính	1	1	Sức khỏe môi trường (nâng cao)	1	1
	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	1	1	Chính sách y tế	2	0
	Quản lí tình huống Y tế công cộng khẩn cấp	2	0	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	1	1
	Sức khoẻ nghề nghiệp cơ bản	1	1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0
	Quản lý dịch vụ y tế	2	0	Thực tập cộng đồng 1 *(4 tuần)*	0	2
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0			
	Giáo dục thể chất 3					
	Cộng:	**14**	**7**	**Cộng:**	**10,5**	**8,5**

Năm thứ 4

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
IV	***Môn tự chọn***	3	2	***Môn tự chọn***	2	3
	Thực tập cộng đồng 2 *(10 tuần)*	0	6	Học phần tốt nghiệp	0	2
	Cộng:	**3**	**8**	**Cộng:**	**2**	**5**

17. Mô tả các học phần

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
1. Kiến thức giáo dục đại cương			
700103003	Triết học Mác - Lênin	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin với tính cách là thế giới quan, phương pháp luận khoa học, giúp sinh viên có được thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng đúng đắn, tư duy lý luận và phương pháp tư duy khoa học chung nhất; Học phần đồng thời cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3LT
700103102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về Học thuyết kinh tế, nội dung học thuyết này bao quát đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2LT
700103202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần này cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dụng đất nước, đường lối chích sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	2LT
700101502	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (TTHCM) giúp người học nắm được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của TTHCM; những nội dung cơ bản nhất của TTHCM – nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Từ đó, giúp cho học viên nâng cao tư duy lý luận, năng lực học tập, nghiên cứu, có	2LT

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
		được thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng…	
700103302	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng, về đường lối của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới.	2LT
700100502	Tiếng Anh 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp, từ vựng về các khía cạnh trong cuộc sống, cũng như hoàn thiện các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết để giúp sinh viên có thêm công cụ để học tập và nghiên cứu cũng như giúp họ chuẩn bị tốt cho khóa học tiếng Anh chuyên ngành vào những năm tiếp theo.	1LT; 1TH
700101102	Tiếng Anh 2	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp, từ vựng về các khía cạnh trong cuộc sống, cũng như hoàn thiện các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết để giúp sinh viên có thêm công cụ để học tập và nghiên cứu cho khóa học tiếng Anh chuyên ngành vào những năm tiếp theo.	1LT; 1TH
700101302	Tiếng Anh 3	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp, từ vựng về các khía cạnh trong cuộc sống, cũng như hoàn thiện các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết để giúp sinh viên có thêm công cụ để học tập và nghiên cứu cũng như giúp họ chuẩn bị tốt cho khóa học tiếng Anh chuyên ngành vào những năm tiếp theo.	1LT; 1TH
700102002	Tiếng Anh 4	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp, từ vựng về các khía cạnh trong cuộc sống, cũng như hoàn thiện các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết để giúp sinh viên có thêm công cụ và nghiên cứu cũng như giúp họ chuẩn bị tốt cho khóa học tiếng Anh chuyên ngành vào những năm tiếp theo.	1LT; 1TH
700112402	Tiếng Anh 5 (chuyên ngành)	Học phần này cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về chuyên ngành YTCC đang được đào tạo ở trường, cũng như các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết để giúp sinh viên YTCC có thêm công cụ để học tập và nghiên cứu chuyên ngành YTCC tốt hơn. Ngoài ra tiếng Anh chuyên ngành YTCC còn giúp sinh viên nâng cao trình độ, có thể sử	1LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
		dụng với những mục đích khác nhau sau khi ra trường.	
700114502	Tiếng Anh 6 (chuyên ngành)	Học phần này cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về chuyên ngành YTCC đang được đào tạo ở trường, cũng như các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết để giúp sinh viên YTCC có thêm công cụ để học tập và nghiên cứu chuyên ngành YTCC tốt hơn. Ngoài ra tiếng Anh chuyên ngành YTCC còn giúp sinh viên nâng cao trình độ, có thể sử dụng với những mục đích khác nhau sau khi ra trường.	2 TH
700102903	Tin học đại cương	Học phần này được xây dựng Theo thông tư 03/2014/TT- BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. Học phần nhằm trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về công nghệ thông tin và kỹ năng thực hành tổng hợp về sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng internet cơ bản. Người học hoàn thành học phần Tin học Đại cương có khả năng sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT Bộ Thông tin và Truyền thông.	1LT; 2TH
700100808	Giáo dục quốc phòng	Học phần này giúp sinh viên có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.	8TH
700101201	Giáo dục thể chất 1	Học phần Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm	1TH
700101801	Giáo dục thể chất 2		1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
700102201	Giáo dục thể chất 3	vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.	1TH
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành			
700112102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần này cung cấp cho người học các bước xây dựng một đề cương nghiên cứu khoa học. Những kiến thức và kĩ năng có được từ các học phần trước như dịch tễ, thống kê, quản lý y tế, nâng cao sức khoẻ, v.v. Sinh viên sẽ xác định vấn đề nghiên cứu cụ thể, quy mô của vấn đề, và những yếu tố quyết định đến vấn đề này. Đầu ra của học phần là một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh cho một chủ đề nhất định của nhóm học viên	1LT; 1TH
700100402	Sinh học và Di truyền	Học phần này cung cấp các kiến thức về nguyên lý các quá trình sinh học chi phối loài người; hậu quả của tác động môi trường đến phân tử, tế bào và đến bộ máy di truyền của loài người; tư vấn phòng và điều trị bệnh di truyền.	1LT; 1TH
700110202	Tâm lí học sức khỏe	Học phần này trang bị cho học viên kiến thức, khả năng phân tích các yếu tố tâm lý của cá nhân, và một số kỹ năng nắm bắt tâm lý của đối tượng trong giao tiếp khi lập kế hoạch và thực hiện các chương trình YTCC. Việc nắm bắt được ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý đến hành vi sức khỏe của cá nhân đối với các chương trình YTCC là rất cần thiết để dẫn đến sự thành công của các chương trình đó.	1,5LT; 0,5TH
700114102	Đạo đức Y tế công cộng	Học phần này cung cấp cho học viên cách tiếp cận khoa học trong việc giải thích các nguyên tắc đạo đức, xác định các vấn đề đạo đức có thể nảy sinh trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp và buộc họ phải bàn luận sâu về những mâu thuẫn về giá trị và đạo đức phát sinh trong khi áp dụng những kiến thức YTCC vào thực tế.	1,5LT; 0,5TH
700110302	Thống kê y sinh học 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thống kê y tế. Đây là học phần cơ bản của ngành YTCC đã được quốc tế công nhận, giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng được vào việc phân tích số liệu các nghiên cứu vềYTCC.	1LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
700111402	Thống kê y sinh học 2	Phân tích số liệu là phần hai của cấu phần Thống kê y tế trong chương trình học của Cử nhân YTCC. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng Epi Data để nhập liệu và phân tích số liệu bằng SPSS. Sinh viên cũng được học và thực hành cách phiên giải các kết quả phân tích.	1LT; 1TH
2.2. Khối kiến thức cơ sở của ngành			
700110503	Bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh, phương thức lây truyền, triệu chứng lâm sàng cơ bản, nguyên tắc dự phòng một số bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Học phần này cùng với các học phần khác trong lĩnh vực Y học lâm sàng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về y học, ứng dụng trong công tác dự phòng, góp phần nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng. Nội dung của học phần này cùng với môn triệu chứng và điều trị cơ bản Nội-Nhi, Ngoại-Sản giúp sinh viên có kiến thức lý thuyết cơ sở trước khi đi thực hành tại bệnh viện.	3LT
700100104	Giải phẫu - Sinh lý	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc và chức năng của các bộ phận cơ thể người, cũng như mối liên quan giữa các cơ quan và chức năng sinh lý của chúng trong cơ thể người.	2LT; 2TH
700110002	Hóa sinh y học	Học phần này đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo Cử nhân YTCC bởi nó đặt nền móng cho việc nghiên cứu các môn tiếp theo, bao gồm: Sinh lý bệnh - Miễn dịch học, Các môn bệnh học.	1LT; 1TH
700100202	Ký sinh trùng y học	Học phần này cung cấp những kiến thức về cấu tạo, hoạt động và đặc tính ký sinh của một số loại ký sinh trùng gây bệnh hoặc liên quan đến các bệnh ở người, trong đó điển hình là các loài giun sán, các loài tiết túc truyền bệnh như: ruồi, muỗi, giun,..; các loài nấm và ký sinh trùng khác. Học phần cũng cung cấp kiến thức về các nguyên tắc cơ bản trong phòng chống và điều trị bệnh ký sinh trùng ở mức độ cơ thể và cộng đồng.	1LT; 1TH
700101002	Sinh lý bệnh - Miễn dịch học	Học phần này cung cấp kiến thức nền móng về hoạt động của cơ thể trong một số bệnh lý thường gặp cũng như cơ chế đáp ứng miễn dịch nhằm làm cơ sở cho việc	1LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
		nghiên cứu các môn chuyên ngành tiếp theo như một số bệnh thường gặp tại cộng đồng, sức khoẻ sinh sản, HIV/AIDS...Từ năm 2012, chương trình đã được cập nhật để đáp ứng tốt hơn cho việc nghiên cứu những vấn đề YTCC quan trọng nhất hiện nay.	
700103403	Sơ cấp cứu ở cộng đồng	Học phần này cung cấp cho sinh viên CN YTCC những kiến thức cơ bản về nguyên tắc xử trí, kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu một số tình huống cấp cứu ở cộng đồng.Học phần này cũng giúp sinh viên có những nhận biết về các dấu hiệu nguy hiểm, đồng thời cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc và biện pháp dự phòng những tai nạn thường gặp ở cộng đồng.	2LT; 1TH
700101403	Triệu chứng – Điều trị học cơ bản Ngoại khoa, Sản khoa (Lí thuyết)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về triệu chứng lâm sàng, các xét nghiệm cận lâm sàng cơ bản để chẩn đoán các bệnh ngoại – sản khoa thường gặp tại cộng đồng. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc phòng bệnh, xử trí, chăm sóc người bệnh tại tuyến y tế cơ sở, tại gia đình và cộng đồng. Hiểu biết về các bệnh ngoại – sản thông thường sẽ giúp sinh viên có những kiến thức nền tảng về triệu chứng và bệnh học cơ bản, sử dụng cho công tác phát hiện bệnh, truyền thông, tư vấn dự phòng các bệnh thường gặp tại cộng đồng. Đây là khối kiến thức cần thiết, bắt buộc trong đào tạo cán bộ y tế nói chung và Cử nhân YTCC nói riêng.	3LT
700111502	Triệu chứng – Điều trị học cơ bản Ngoại khoa, Sản khoa (Thực hành)		2TH
700102103	Triệu chứng – Điều trị học cơ bản nội khoa, nhi khoa (Lí thuyết)	Học phần này cung cấp cho sinh viên Cử nhân YTCC những kiến thức cơ bản về dịch tễ học, nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, bệnh học, các xét nghiệm cơ bản để chẩn đoán một số bệnh Nội - Nhi thường gặp tại cộng đồng. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc xử trí ban đầu và dự phòng một số bệnh Nội khoa – Nhi khoa thường gặp.Hiểu biết về các bệnh Nội khoa - Nhi khoa thông thường sẽ giúp sinh viên có một những kiến thức cơ bản sử dụng cho công tác phát hiện bệnh, truyền thông, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng các bệnh thường gặp tại cộng đồng.	3LT
700111604	Triệu chứng – Điều trị học cơ bản nội khoa, nhi khoa (Thực hành)		4TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
700100702	Vi sinh y học	Học phần này cung cấp các kiến thức về đặc điểm cơ bản nhất về cấu tạo, chuyển hóa, di truyền của vi khuẩn, vi rút và mối quan hệ cơ thể - vi sinh vật, đặc biệt là những vi sinh vật liên quan đến khả năng gây bệnh, dịch tại cộng đồng, các nguyên tắc phòng và chống các bệnh, dịch liên quan đến vi sinh vật.	1LT; 1TH
2.3. Khối kiến thức ngành YTCC			
700102502	Quản lý an toàn thực phẩm	Học phần này giúp cho người làm công tác dinh dưỡng, an toàn thực phẩm ở cộng đồng ó kiến thức và kỹ năng tổ chức triển khai biện pháp quản lý vệ sinh an toàn các thực phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao như thức ăn chế biến sẵn tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố, các cơ sở sản xuất thực phẩm nhằm mục đích đề phòng ngộ độc thực phẩm và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Đồng thời, học phần này cũng cung cấp kiến thức và một số kỹ năng cơ bản về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ở Việt Nam, các công cụ quản lý an toàn thực phẩm hiện hành như GMP, HACCP và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý an toàn thực phẩm.	1LT; 1TH
700112702	Chính sách y tế	Học phần này cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về chính sách, chính sách y tế, quá trình chính sách, việc sử dụng thông tin và vận dụng được chúng vào thiết kế bản thông tin khuyến nghị chính sách; qua đó giúp sinh viên hiểu về tầm quan trọng của chính sách công và chính sách y tế và góp phần thực hiện tốt các vị trí công việc khác nhau trong lĩnh vực y tế.	2LT
700111702	Đại cương Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Học phần này cung cấp các kiến thức đại cương về dinh dưỡng người, khẩu phần ăn hợp lý cho một số đối tượng ưu tiên và các vấn đề sức khoẻ liên quan đến dinh dưỡng và an toàn thực phẩm thường gặp tại cộng đồng. Đồng thời học phần này cũng thảo luận và phân tích những can thiệp liên quan đến dinh dưỡng và an toàn thực phẩm tại cộng đồng. Học phần là tiền đề cho chương trình Cử nhân YTCC và định hướng chuyên ngành dinh dưỡng và an toàn thực phẩm ở giai đoạn tiếp theo.	1LT; 1TH
700111803	Đại cương Giáo dục và Nâng	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khỏe, hành vi	2LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
	cao sức khỏe	sức khỏe, các yếu tố quyết định vấn đề sức khỏe, chăm sóc sức khỏe ban đầu, các chiến lược NCSK cơ bản mà Tổ chức Y tế thế giới đã xác định; bước đầu đề cập các lí thuyết về hành vi, các chiến lược GDSK, NCSK cơ bản để định hướng nghiên cứu giải quyết vấn đề sức khỏe trong các học phần tiếp sau thuộc chuyên ngành.	
700110602	Dân số và phát triển	Khi nghiên cứu về kinh tế, y tế (sức khỏe) của một quần thể dân cư, chúng ta cần phải hiểu quần thể dân cư đó có quy mô dân số là bao nhiêu? Cơ cấu dân số theo giới tính, nhóm tuổi, nghề nghiệp… như thế nào; các đặc điểm về sự biết động dân số đó ra sao? (mức sinh, mức chết và di dân)… Từ đó chúng ta mới đi phân tích Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy mô dân số của một quần thể dân cư, cơ cấu dân số theo giới tính, nhóm tuổi, nghề nghiệp…, các đặc điểm về sự biến động dân số (mức sinh, mức chết và di dân)…; qua đó giúp sinh viên phân tích được đặc điểm của quần thể dân số để lập các kế hoạch can thiệp phù hợp.	2LT
700110702	Dịch tễ học cơ bản	Học phần cung cấp những kiến thức giúp sinh viên tìm hiểu về tình trạng sức khoẻ cũng như bệnh tật của quần thể, đưa ra phương pháp để tiến hành điều tra những vấn đề về sức khoẻ, tìm ra những yếu tố căn nguyên có thể của vấn đề để đưa ra các giải pháp can thiệp nâng cao sức khỏe và đánh giá hiệu quả của các giải pháp can thiệp đó. Học phần giới thiệu những nguyên lý và các phương pháp cơ bản của dịch tễ học được áp dụng trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng.	2LT
700111102	Kinh tế và tài chính y tế	Trong bối cảnh nguồn lực dành cho y tế luôn luôn khan hiếm, học phần Kinh tế và Tài chính y tế giúp sinh viên vận dụng khái niệm về sự khan hiếm, sự lựa chọn, và các qui luật kinh tế học trong y tế nhằm tối ưu hóa sử dụng nguồn lực để nâng cao tình trạng sức khỏe nhân dân. Lý thuyết và các ứng dụng của đánh giá kinh tế y tế giúp sinh viên quản lí và sử dụng hiệu quả nguồn lực khan hiếm góp phần xây dựng hệ thống y tế hiệu quả và công bằng.	2LT
700110803	Kế hoạch y tế	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kỹ năng xây dưng kế hoạch thực hiện các can thiệp y tế (bao gồm cả chương trình và dự án y tế) đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế và tăng cường sức khỏe cộng đồng.	2LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
		Bên cạnh đó, sinh viên cũng được trang bị các kỹ năng theo dõi, điều phối, giám sát và đánh giá can thiệp y tế để có thể đo lường kết quả đạt được từ can thiệp và rút ra các bài học kinh nghiệm giúp cho việc quản lý các can thiệp này được hiệu quả hơn hoặc xây dựng các can thiệp mới phù hợp hơn trong tương lai.	
700110102	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản	Quản lý cơ bản là một hoạt động tổ chức công việc và sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra trong điều kiện biến động của môi trường. Điều quan trọng trong quản lý là làm thế nào để lãnh đạo và dẫn dắt các thành viên cùng đi đúng hướng để đạt được mục đích chung là sự thành công của tổ chức. Vậy người quản lý cần phải làm những gì và làm như thế nào? Để quản lý thành công, cần có các kỹ năng quản lý cơ bản trên cơ sở tuân thủ các nguyên lý quản lý cơ bản và khả năng thực hành được các kỹ năng quản lý trong những tình huống cụ thể theo phong cách mang tính cá nhân. Học phần này sẽ giới thiệu khái niệm và nguyên lý cơ bản của quản lý, đồng thời cung cấp các kỹ năng quản lý cơ bản cho sinh viên để họ có thể vận dụng vào môi trường làm việc trong tương lai.	2LT
700110902	Nhân học y tế và Xã hội học Sức khỏe	Học phần này trang bị cho học viên kiến thức và khả năng phân tích các yếu tố xã hội trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các chương trình YTCC. Việc xác định và phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố xã hội đến thái độ, hành vi của cá nhân và cộng đồng đối với các chương trình YTCC là rất cần thiết để dẫn đến sự thành công của các chương trình đó.	2LT
700111903	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Khuyết tật và phục hồi chức năng (PHCN) là một vấn đề lớn của sức khoẻ cộng đồng vì người khuyết tật chiếm trên 15% dân số thế giới. Khuyết tật liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của YTCC như vấn đề môi trường (tự nhiên và xã hội), an toàn lao động, chấn thương, dinh dưỡng, sức khoẻ sinh sản, dân số, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng… Trên thế giới, PHCN được biết đến như một trong 4 cấu thành của chăm sóc sức khoẻ toàn diện: giáo dục và nâng cao sức khoẻ, dự phòng, điều trị và PHCN. Chiến lược phát triển ngành y tế 2010-2020 cũng đề cập đến PHCN như là một cấu thành chăm sóc sức khoẻ không thể thiếu "dự phòng, điều trị và PHCN".	1LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
700112002	Phương pháp nghiên cứu định tính	Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu định tính, kĩ năng cần thiết giúp học viên sử dụng các kỹ thuật thu thập số liệu định tính như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trọng tâm, và quan sát. Bên cạnh đó, học phần này cũng cung cấp cho học viên có được khái niệm và qui trình phân tích dữ liệu và báo cáo nghiên cứu định tính.	1LT; 1TH
700111202	Quản lý dịch vụ y tế	Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho đối tượng là sinh viên YTCC hệ Cử nhân chính qui những kiến thức cơ bản về cung cấp dịch vụ y tế bao gồm khái niệm về dịch vụ y tế, nguyên tắc của việc cung cấp dịch vụ y tế tốt; các phương pháp được sử dụng trong hệ thống đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế: cấp chứng chỉ, kiểm chuẩn (accreditation), Tổ chức chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế (ISO), Quản lý chất lượng toàn diện (TQM); thực trạng triển khai, ưu điểm và hạn chế các công cụ quản lý dịch vụ y tế dự phòng và dịch vụ khám chữa bệnh.	2LT
700112202	Quản lý thông tin y tế và Phân loại quốc tế bệnh tật và tử vong	Học phần này cung cấp các kiến thức về Hệ thống thông tin Y tế (TTYT) trong việc hỗ trợ các hoạt động chăm sóc sức khoẻ, theo dõi và tăng cường chất lượng các hoạt động y tế. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về việc áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý thông tin y tế, tầm quan trọng của các chuẩn thông tin, đánh giá chất lượng thông tin và tăng cường sử dụng thông tin trong việc ra quyết định.	1LT; 1TH
700111302	Quản lý y tế công cộng trong tình huống khẩn cấp	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lí thảm họa nhằm nâng cao năng lực quản lí thảm họa của nhân viên YTCC, góp phần giảm thiểu tác hại do thảm họa gây ra, bảo vệ sức khỏe của cộng đồng bị ảnh hưởng của thảm họa và của nhân dân nói chung.	2LT
700102303	Sức khỏe môi trường cơ bản	Sức khoẻ môi trường (SKMT) cơ bản là một môn khoa học liên ngành nhằm xác định, đánh giá và kiểm soát các yếu tố Sinh - Hoá - Lý - Xã hội trong môi trường để góp phần cải thiện và bảo vệ sức khoẻ con người và hệ sinh thái. Học phần SKMT cơ bản sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan tới lĩnh vực SKMT, các vấn đề SKMT mà Việt Nam đang đối mặt cùng với các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước, không khí, chất thải rắn và chất thải y	2LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
		tế, bệnh lây truyền từ động vật sang người, kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới v.v.	
700113802	Sức khỏe môi trường	Học phần SKMT cung cấp cho học viên các kiến thức liên quan đến văn bản, quy định, luật hiện hành về môi trường và SKMT, hệ thống quản lý SKMT từ cấp trung ương đến cấp địa phương, công cụ đánh giá tác động sức khoẻ và các vấn đề SKMT nổi cộm mà Việt Nam và thế giới đang đối mặt cũng như các giải pháp để kiểm soát các vấn đề này.	1LT; 1TH
700112302	Sức khoẻ nghề nghiệp cơ bản	Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu về Sức khoẻ nghề nghiệp, giúp người học có khả năng tham gia hiệu quả trong các chương trình quản lý, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cho người lao động nhằm bảo vệ sức khoẻ cho người lao động, phòng chống bệnh tật và thương tích liên quan đến nghề nghiệp, nâng cao khả năng làm việc, kéo dài tuổi đời và tuổi nghề của họ trên cơ sở tổ chức lao động hợp lý, dự phòng tích cực và cải thiện điều kiện lao động tại nơi làm việc.	1LT; 1TH
700101902	Sức khoẻ sinh sản	Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức và thực hành về các vấn đề SKSS tại Việt Nam. Bên cạnh đó học viên cũng nắm được các kiến thức về giới và quyền trong cung cấp và tiếp cận với dịch vụ SKSS nhằm mục đích tăng cường sức khoẻ sinh sản cho mọi người.	2LT
700115602	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	Đánh giá là một cấu phần quan trọng của quản lí dự án, góp phần đảm bảo các hoạt động được thực hiện đúng tiến độ và đạt kết quả tốt. Qua đánh giá, người quản lí sẽ biết được chương trình, dự án y tế có đạt được mục tiêu đề ra hay không, chi phí hiệu quả như thế nào, hỗ trợ cho quá trình ra quyết định nhằm xây dựng và quản lý chương trình. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kĩ năng cơ bản về thiết kế đánh giá chương trình y tế để có thể áp dụng vào thực tế hoạt động YTCC.	1LT; 1TH
700110403	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	Học phần được thiết kế nhằm cung cấp các thông tin tổng quát về quản lý tổ chức và hệ thống y tế như đặc điểm, cấu trúc tổ chức, chức năng và các thành phần cơ bản của hệ thống y tế.	3LT

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
700114603	Truyền thông sức khỏe	Học phần TTSK cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình truyền thông, các cách tiếp cận và phương pháp truyền thông nhằm cung cấp thông tin, tác động thay đổi thái độ và hành vi. Ý tưởng, thông điệp truyền thông; cách thiết kế và thử nghiệm thông điệp và tài liệu truyền thông sẽ được trình bày, thảo luận và thực hành trong khóa học. Các kiến thức và kỹ năng về TTSK là cơ sở quan trọng để người làm công tác TT-GDSK áp dụng trong việc thiết kế và thực hiện chương trình GDSK-NCSK. Đây cũng là nhu cầu đào tạo bức thiết của cán bộ y tế tham gia công tác TT-GDSK hiện nay	2LT; 1TH
700115306	Thực tập cộng đồng 1	Học phần này góp phần củng cố năng lực lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe tại cộng đồng. Người học tiếp cận cộng đồng, thu thập số liệu, thông tin cần thiết để lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của của cộng đồng; tham gia thực hiện các hoạt động TT-GDSK cho người dân.	2TH
700115006	Thực tập cộng đồng 2	Học phần này giúp người học củng cố kiến thức, thái độ và kĩ năng về YTCC nói chung để góp phần giúp cho họ đạt được chuẩn năng lực nghề nghiệp YTCC sau khi tốt nghiệp. Người học tiếp cận cộng đồng, tiếp tục thu thập số liệu, thông tin để thiết kế đề cương và thực hiện một số hoạt động đánh giá các chương trình y tế hoặc thiết kế đề cương nghiên cứu vấn đề sức khỏe của địa phương; tham gia thực hiện các hoạt động thiết kế, thử nghiệm tài liệu truyền thông, thực hiện các hoạt động TT-GDSK tại cộng đồng.	6TH
2.4. Kiến thức bổ trợ (tự chọn 10 TC)			
700102403	Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về các bệnh lây truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ ATTP; trong đó đánh giá nguy cơan toàn thực phẩm là nội dung trọng tâm, bao gồm đánh giá nguy cơ vi sinh vật và nguy cơ hóa học. Môn học cũng cung cấp kiến thức và một số kỹ năng cơ bản giúp Cử nhân YTCC sau khi tốt nghiệp có khả năng tham gia phát hiện, điều tra, xử trí và báo cáo các vụ ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm xảy ra tại cộng đồng.	2LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
700115502	Chương trình Phòng chống HIV/AIDS	Hiện nay, phòng chống HIV/AIDS là một trong những chương trình được ưu tiên tại Việt Nam do diễn biến tình hình dịch phức tạp; dịch có xu hướng lây lan từ nhóm có hành vi nguy cơ cao lây truyền HIV/AIDS như nhóm phụ nữ bán dâm, nhóm nghiện chích ma túy và nam quan hệ tình dục với nam ra cộng đồng thông qua nhóm bạn tình của người nhiễm HIV/AIDS, bạn tình người nghiện chích ma túy và khách hàng/bạn tình của phụ nữ mại dâm. Bên cạnh đó, chương trình phòng chống HIV/AIDS được xem là một ví dụ cụ thể trong đó các nguyên lý và chức năng về YTCC được ứng dụng sinh động.	1LT; 1TH
700115703	Dân số và Phát triển nâng cao	Học phần Dân số và Phát triển nâng cao sẽ giúp cho học viên có kiến thức và kỹ năng phân tích về mối quan hệ của dân số với một số vấn đề phát triển (kinh tế, môi trường, bình đẳng giới và an sinh xã hội). Ngoài ra học phần còn giúp người học có kỹ năng phân tích và thực hành lồng ghép biến dân số vào quá trình phát triển của địa phương.	3LT
700102602	Đánh giá nguy cơ Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp	Phương pháp đánh giá nguy cơ SKMT (Environmental Health risk assessment – hay còn gọi là lượng giá nguy cơ SKMT) là cách tiếp cận có hệ thống nhằm mô tả quy mô và bản chất của các nguy cơ liên quan tới các yếu tố nguy cơ YTCC và SKMT-NN. Phương pháp này giúp đưa ra các thông tin thực tế và khoa học về các nguy cơ để làm cơ sở cho các nhà lãnh đạo đưa ra các quyết định quản lý nguy cơ SKMT-NN nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động. Để phục vụ công tác đánh giá yếu tố nguy cơ và đánh giá phơi nhiễm, việc phân tích các yếu tố nguy cơ vật lý, hoá học, sinh học trong phòng xét nghiệm đóng vai trò hết sức quan trọng. Học phần này nhằm cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể đánh giá và đưa ra các giải pháp quản lý hiệu quả các nguy cơ SKMT-NN.	1LT; 1TH
700114902	Dịch tễ học chấn thương	Chấn thương hay tai nạn thương tích đang là một vấn đề YTCC nổi cộm và được quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Học phần Dịch tễ học chấn thương sẽ cung cấp cho người học các kiến thức và khái niệm cơ bản liên quan đến lĩnh vực chấn thương và cách tiếp cận áp dụng mô hình của dịch tễ học trong việc giải thích những nguyên nhân dẫn đến chấn thương, đồng thời đưa ra các chiến lược phòng	2LT

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
		ngừa và kiểm soát chấn thương một cách hữu hiệu trong những bối cảnh khác nhau.	
700115903	Dịch vụ DS và KHHGĐ	Học phần này là học phần cơ bản nằm trong các khóa và chương trình đào tạo bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn về Dân số và Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGĐ) cho đối tượng là người làm công tác DS-KHHGĐ tại các cấp từ trung ương tới địa phương. Với sự thay đổi trọng tâm của Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020 từ giảm sinh sang nâng cao chất lượng dân số, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh và hạn chế của già hóa dân số, v.v… học phần giúp cung cấp các kiến thức cơ bản về các dịch vụ DS-KHHGĐ và quản lý cung cấp các dịch vụ DS-KHHGĐ	3LT
700113202	Điều tra một vụ dịch	Hiện nay do các thay đổi về môi trường, điều kiện vệ sinh, phát triển kinh tế, cũng như sự tăng cường giao lưu trên thế giới và trong khu vực, nhiều dịch bệnh mới xuất hiện và có khả năng lây lan rộng như bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp nguy hiểm (SARS), cúm A H5N1, cúm A H1N1, bệnh tả. Công tác phòng chống dịch bệnh là những ưu tiên trong triển khai các hoạt động phòng bệnh của các cán bộ y tế ở tất cả các tuyến trong hệ thống y tế. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên Cử nhân YTCC chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.	1LT; 1TH
700113303	Dinh dưỡng cơ bản và xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	Khoa học dinh dưỡng nghiên cứu sự tác động, mối quan hệ của các chất dinh dưỡng trong thực phẩm với sức khỏe và bệnh tật. Khẩu phần dinh dưỡng phù hợp với đối tượng sẽ giúp phòng ngừa bệnh tật, nâng cao sức khỏe. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về vai trò, nhu cầu và nguồn thực phẩm cung cấp các chất sinh năng lượng trong khẩu phần ăn (bao gồm Protein, lipid, carbonhydrate) và các chất không sinh năng lượng (vitamin, khoáng chất) và nước. Sinh viên cũng được cung cấp các nguyên tắc cơ bản và được thực hành về xây dựng khẩu phần dinh dưỡng cho một số đối tượng bình thường (trẻ em dưới 5 tuổi, người trưởng thành) và khẩu phần cho một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng (suy dinh dưỡng, thừa cân- béo phì và thiếu năng	2LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
		lượng trường diễn)	
700113502	Nghiên cứu và đánh giá hệ thống thông tin y tế	Học phần này cung cấp cho sinh viên các phương pháp và chiến lược để xem xét và đánh giá hệ thống thông tin y tế trên thế giới và ở Việt nam. Ngoài ra khoá học cũng sẽ giúp cho sinh viên có điều kiện được triển khai phát triển kế hoạch nghiên cứu, đánh giá hệ thống thông tin y tế và áp dụng vào điều kiện thực tế ở Việt Nam	1LT; 1TH
700102802	Quản lí dự án	Học phần này nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng liên quan đến Xây dựng dự án; Tổ chức thực hiện; theo dõi và đánh giá dự án. Các kiến thức này nhằm giúp cho học viên có thể thực hiện được các năng lực của Cử nhân YTCC sau khi tốt nghiệp.	2LT
700113902	Sức khỏe nghề nghiệp	Sức khỏe nghề nghiệp là một chuyên ngành của YTCC hướng tới chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người lao động. Mỗi ngành nghề có những đặc điểm điều kiện lao động khác nhau, phát sinh ra các yếu tố tác hại nghề nghiệp khác nhau dẫn đến hậu quả đối với sức khỏe người lao động (thể hiện thông qua các vấn đề bệnh nghề nghiệp/tai nạn thương tích nghề nghiệp) cũng khác nhau ở các ngành nghề. Thực hành quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp tốt tạo ra một điều kiện lao động tốt hướng tới xây dựng một lực lượng lao động khỏe mạnh (cả về thể chất và tinh thần), nâng cao sức khỏe nơi làm việc, giảm thiểu bệnh tật và thương tích liên quan đến nghề nghiệp kéo dài tuổi đời, tuổi nghề cho người lao động. Sức khỏe của người lao động là tài sản của xã hội. Người lao động có sức khỏe tốt sẽ ảnh hưởng rất lớn tới năng suất lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế xã hội. Tăng cường kiến thức và thực hành về quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp cho người lao động là vô cùng quan trọng đối với cán bộ làm việc trong lĩnh vực này.	1LT; 1TH
700114002	Sức khỏe trường học	Học phần này giúp cho sinh viên hệ Cử nhân YTCC tập trung nghiên cứu : Quá trình phát triển thể chất,tâm thần của lứa tuổi trẻ em. Tình trạng sức khoẻ và bệnh tật thường mắc ở lứa tuổi học đường. Những yếu tố nguy cơ và tác động của môi trường học tập đến sức khoẻ và bệnh tật ở lứa tuổi học sinh; Những biện pháp đề phòng do tác động của môi trường học tập không tốt đến sức khoẻ và bệnh tật của học sinh. Sau	1LT; 1TH

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
		khi học xong học phần này, sinh viên sẽ có một kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc giải quyết những vấn đề trước mắt và lâu dài về công tác CSSK cho lứa tuổi học sinh ở trong cộng đồng, góp phần vào việc cải thiện môi trường học tập của các em ngày càng tốt hơn.	
700115802	Thống kê dân số	Học phần thống kê dân số là một bộ phận không thể thiếu được của hệ thống các môn khoa học thống kê. Học phần này nhận được sự quan tâm phát triển, hoàn thiện của các nhà khoa học và nhiều trường đại học trên thế giới. Công tác thống kê dân số cũng nhận được sự quan tâm của nhiều Chính phủ của nhiều quốc gia trên thế giới. Do yêu cầu của công tác quản lý các chương trình DS-KHHGĐ và sức khỏe sinh sản (SKSS), Tổng cục Dân số - KHHGĐ Việt Nam cũng đã xây dựng hệ thống thông tin dân số chuyên ngành từ trung ương đến tận các xã/phường.	1LT; 1TH
700114402	Thông tin hỗ trợ ra quyết định	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên với kiến thức cơ bản của quản trị tri thức và hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong YTCC nói riêng và chăm sóc sức khoẻ nói chung. Học viên sẽ xác định các thông tin, công cụ cần thiết để hỗ trợ ra các loại quyết định khác nhau trong quản lý điều trị lâm sàng, can thiệp sức khoẻ cộng đồng và truyền thông chính sách. Ngoài ra, học viên cũng sẽ được cung cấp kiến thức và kỹ năng về khai thác dữ liệu, kỹ thuật hình ảnh (ví dụ như GIS), truyền thông (internet, di động) để khai thác và truyền tải thông tin đến đối tượng phù hợp.	1LT; 1TH
700112502	Tiếp thị xã hội	Học phần Tiếp thị xã hội được xây dựng để đáp ứng chức năng thứ 7 của YTCC là Nâng cao sức khỏe, sự tham gia xã hội và trao quyền cho cộng đồng. Học phần này trang bị cho học viên những kĩ năng thiết kế và triển khai chương trình xúc tiến tiếp thị xã hội nhằm thay đổi hành vi của đối tượng đích góp phần giải quyết các vấn đề sức khỏe cụ thể.	1LT; 1TH
700116002	Truyền thông DS và KHHGĐ	Học phần Truyền thông Dân số- Kế hoạch hóa gia đình sẽ giúp cho học viên có kiến thức cơ bản về lý thuyết và kỹ năng truyền thông, vận động và tư vấn về DS-KHHGĐ. Bên cạnh đó học phần còn giúp người học có kỹ năng xây dựng, tổ chức thực hiện và	2LT

STT/ mã số HP	Học phần	Mô tả học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (Số TC LT; TH)
		quản lý hoạt động truyền thông về DS-KHHGĐ tại cộng đồng	
700114702	Vận động trong thực hành Nâng cao sức khỏe	Học phần này cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về khái niệm, mục đích của quá trình vận động chính sách và huy động cộng đồng. Học phần còn trang bị các kiến thức về tiếp cận vận động, chiến lược vận động và các phương tiện, tài liệu sử dụng để thực hiện quá trình truyền thông vận động chính sách để có được môi trường thuận lợi cho nâng cao sức khỏe cộng đồng.	1LT; 1TH
2.5. Học phần tốt nghiệp			
700115706	Thi tốt nghiệp/ khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên Cử nhân YTCC có thể đăng ký thực hiện Học phần tốt nghiệp (khóa luận) hoặc học phần tương đương là thi môn Chuyên ngành. + Sinh viên có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp có thể tiến hành theo một trong các định hướng: Đánh giá chương trình hoặc một phần của chương trình y tế và viết báo cáo; Phát triển và thử nghiệm tài liệu truyền thông sức khỏe hoặc sản phẩm tiếp thị xã hội và viết báo cáo; Xây dựng đề cương nghiên cứu; Xây dựng đề cương dự án; Viết tổng quan tài liệu; Báo cáo nghiên cứu dựa vào phân tích số liệu thứ cấp. + Bài thi tốt nghiệp (thường có hình thức trắc nghiệm) nhằm đánh giá kiến thức tổng hợp về kiến thức YTCC chung (gồm: Thống kê cơ bản và Dịch tễ học cơ bản; Quản lý y tế; Sức khỏe môi trường cơ bản và Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản; Đại cương Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe) và phần kiến thức chuyên ngành YTCC (gồm: Sức khỏe môi trường; Thiết kế đánh giá chương trình y tế; Quản lý an toàn thực phẩm; Truyền thông sức khỏe; Chính sách y tế)	2TH

Ghi chú: LT: Lý thuyết, TH: Thực hành. Mỗi tín chỉ tương đương 15 giờ học trên lớp và 35 giờ tự học.

18. Sơ đồ các học phần trong chương trình

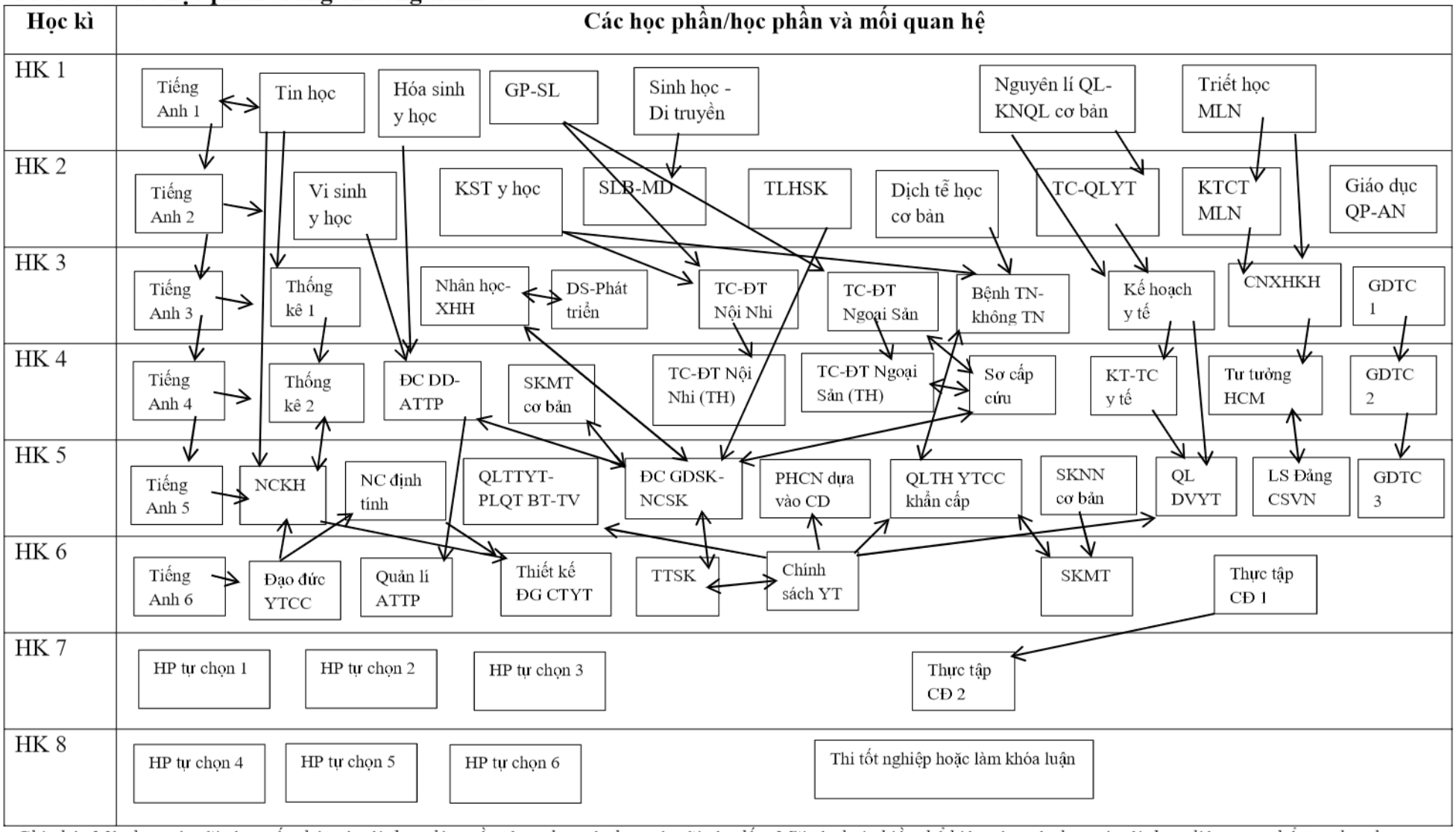

Ghi chú: Môn học có mũi tên xuất phát có nội dung làm nền tảng cho môn học có mũi tên đến. Mũi tên hai chiều thể hiện các môn học có nội dung liên quan, bổ trợ cho nhau.

19. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PO) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

Mục tiêu / Chuẩn đầu ra	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1	X	X	X			X	X
PLO2	X	X		X		X	
PLO3	X	X	X				
PLO4	X	X	X	X			
PLO5	X	X	X		X		
PLO6	X	X			X	X	
PLO7	X						X
PLO8	X	X				X	X

Chú thích: - Chỉ ghi mã mục tiêu và chuẩn đầu ra, không ghi nội dung cụ thể của mục tiêu và chuẩn đầu ra

- Đánh dấu X vào các ô để thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và mục tiêu của CTĐT

Phòng Quản lý đào tạo	Lãnh đạo khoa điều phối CTĐT	Thư ký CTĐT
Đỗ Thị Hạnh Trang	Lê Thị Vui	Đinh Thu Hà

PHỤ LỤC 1 - THANG ĐO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VÀ MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

Lĩnh vực về nhận thức	Bloom, 1956	- Ghi nhớ (khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi sinh viên có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học)	- Hiểu (khả năng diễn đạt ý nghĩa của thông điệp bằng miệng, văn bản hay hình ảnh. Hiểu không chỉ đơn thuần là nhắc lại một thông điệp nào đó. Chúng ta cần thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua diễn giải, nêu gương, phân loại, tóm tắt, suy luận, so sánh và giải thích)	- Áp dụng (khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó)	- Phân tích (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Đánh giá (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Sáng tạo (khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới)
		K1	**K2**	**K3**	**K4**	**K5**	**K6**
Lĩnh vực về tâm vận động (kỹ năng)	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát: Quan sát và lặp lại có sự hiện diện của nguồn mẫu	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm: Làm được khi được hướng dẫn	- Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp: Thể hiện lại một cách chính xác các hoạt động, thao	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và được thực hiện	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và thực hiện nhất	

				tác mà không có nguồn mẫu	một cách nhất quán	quán, dễ dàng. Tựu động thể hiện được với ít sự gắng sức về thể chất hoặc tinh thần	
		S1	**S2**	**S3**	**S4**	**S5**	
Lĩnh vực về cảm xúc	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	Chú ý lắng nghe, quan sát và cảm nhận	- Tiếp nhận hiện tượng: Tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực thông qua trao đổi, giao tiếp, báo cáo...	- Phản ứng với hiện tượng: Nhận thấy giá trị của các yếu tố trong học tập và làm việc và thể hiện ra ngoài bằng các hành động cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng	- Chấp nhận giá trị (Valuing): Nhận ra giá trị cao nhất và tạo ra những hệ thống có giá trị nhất so với các giải pháp khác.	- Tổ chức, Ứng xử: Biến những giá trị thực tiễn thành động lực điều chỉnh hành vi.	
		A1	**A2**	**A3**	**A4**	**A5**	